

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Thơm.

Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T, sinh năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Bị đơn: Anh Lường Văn R, sinh năm 1999.

Nơi ĐKNKTT: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lường Văn R về chung sống với nhau từ năm 2017, đến ngày 20 tháng 5 năm 2019 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị và anh R là

hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 7 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh R chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con, nhiều lần chị T và gia đình đã khuyên anh R từ bỏ ma túy nhưng anh R không thay đổi. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm với anh R và không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Từ lúc chị T và anh R ly thân đến nay giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau, do vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn R.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Lương Văn R xác nhận chị T trình bày về thời điểm chung sống cũng như việc đăng ký kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên từ tháng 7 năm 2021 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống nhưng anh không biết lý do, anh cũng đã động viên chị T quay về chung sống với anh nhưng chị T không về. Anh R thừa nhận anh có sử dụng ma túy nhưng sử dụng ít, chỉ thi thoảng uống rượu say, bạn bè rủ rê anh mới sử dụng, anh R vẫn đi làm gửi tiền cho vợ và quan tâm đến gia đình. Về tình cảm anh vẫn còn yêu thương chị T và mong muốn chị T quay về đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm sóc con nhỏ, anh không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và anh Lương Văn R có 01 con chung là Lương Duy K, sinh ngày 10/8/2018. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, tuy nhiên từ khi vợ chồng chị ly thân đến nay con chung đang ở cùng với anh R và anh R cũng có nguyện vọng là được nuôi con nên chị T nhất trí giao con chung cho anh R là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh R công nhận vợ chồng anh có một con chung như chị T trình bày. Sau khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng là được trực tiếp nuôi con cho đến khi con trưởng thành vì sau khi chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và đi làm ăn xa, con chung ở cùng với anh và bố mẹ đẻ của anh, cháu được chăm sóc chu đáo, đến nay cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, hiện nay chị T công việc chưa ổn định, đang tìm kiếm công việc nên anh vẫn giữ nguyên quan điểm được nuôi con cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Anh cũng không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị T và anh R đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Lường Văn R biết chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được chị T giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án. Anh R được Tòa án triệu tập đến làm việc, đã có bản tự khai và có lời khai, tuy nhiên quá trình về sau anh R không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 224; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lường Thị T và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh R; Về con chung: Giao con chung là Lường Duy K, sinh ngày 10/8/2018 cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh R không yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Tài sản chung, nợ

chung, cho vay chung chị T, anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lương Văn R có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Mường Khoa, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu. Anh R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 08/4/2022, Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh R tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh R là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn R về chung sống với nhau từ năm 2017 đến ngày 20/5/2019 thì chị T và anh R đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh R là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh R hạnh phúc được khoảng 02 năm, đến tháng 7 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh R chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Chị T đã nhiều lần khuyên bảo anh R nhưng anh R không từ bỏ ma túy, không yêu thương vợ con, không chịu tu chí làm ăn nên chị T đã bỏ về sống ở nhà bố mẹ đẻ tại xã Bản Bo, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm, không còn yêu thương anh R nên chị xin được ly hôn với anh R.

Anh R cho rằng quá trình chung sống với chị T không có mâu thuẫn nhưng cũng thừa nhận thỉnh thoảng có chơi bời và sử dụng ma túy do bạn bè rủ rê, việc chị

T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở anh không biết rõ lý do, anh R vẫn còn tình cảm với chị T nên không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị T và anh R kéo dài và đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, giữa chị T và anh R không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa. Đặc biệt chị T không còn tình cảm yêu thương đối với anh R, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh R, trong thời gian ly thân anh R cũng không tìm cách để hàn gắn tình cảm với chị T. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh R đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ủy ban nhân xã Mường Khoa cũng đã xác định giữa anh R và chị T có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2021 nên yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Con chung Lường Duy K, sinh ngày 10/8/2018 hiện đang sinh sống cùng với anh R và bố mẹ anh R tại bản Mường Khoa, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu kể từ khi chị T và anh R sống ly thân cho tới nay. Chị T và anh R đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên, việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên và nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung là cháu Lường Duy K sống với anh R và bố mẹ anh R từ nhỏ. Tuy anh R hiện đang đi làm ăn xa, cháu K hiện nay đang ở với ông bà nhưng cháu được ông bà chăm sóc đầy đủ và phát triển khoẻ mạnh. Anh R đi làm nhưng thi thoảng vẫn về thăm con và hàng tháng đều gửi tiền về cho bố mẹ để chăm sóc cháu K. Còn chị T hiện cũng đang đi làm ăn xa, công việc chưa ổn định, trong thời gian sống ly thân với anh R chị T chỉ đến thăm con 01 lần và không cấp dưỡng tiền để nuôi con, chị T trình bày nếu khi ly hôn anh R vẫn có nguyện vọng nuôi con chung thì chị T nhất trí giao quyền nuôi con cho anh R. Vì vậy, căn cứ các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho sự phát triển về thể chất cũng như tinh thần của cháu Lường Duy K, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu K cho anh R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn R không yêu cầu chị Lường Thị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Lường Thị T và anh Lường Văn R đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do vậy, quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn với anh Lường Văn R.

2. Về con chung: Giao con chung là Lường Duy K, sinh ngày 10/8/2018 cho anh Lường Văn R trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị Lường Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Văn R không yêu chị Lường Thị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Anh Lường Văn R và chị Lường Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lường Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị Lường Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2021/0000438 ngày 04/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi Cục THADS huyện Tân Uyên;
- UBND xã M;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Oanh